

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HSST
Ngày 05 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Sùng Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Thọ

2. Ông Nguyễn Văn Biện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên -Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chiến - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử hình sự Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2019/HSST ngày 16/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo sau:

- *Bị cáo:* Nguyễn Văn H; sinh ngày 09/6/1970; ĐKKHKT: Thôn B, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; chỗ ở: Thôn **Thôn B**, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; trình độ văn hóa: 7/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1944; con bà: Hoàng Thị N, sinh năm: 1947; có vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1975; có 01 con trai sinh năm 1999; DCB số 010169 ngày 16 tháng 8 năm 2019 lập tại Công an thành phố H; tiền sự, tiền án: không; nhân thân: Năm 1995 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và tội trốn khỏi nơi giam giữ. Năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 9 tháng tù về tội trộm cắp tài sản .

Hiện đang tại ngoại tại **Thôn B**, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang. *Có mặt tại phiên tòa.*

- *Bị cáo:* Nguyễn Văn K; sinh ngày 10/01/1999; ĐKKHKT: **Thôn B**, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; chỗ ở: **Thôn B**, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; trình độ văn hóa: **9/12**; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1970; con bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1975; vợ con: chưa có; DCB số 010164 ngày 16

tháng 8 năm 2019 lập tại Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân tốt.

Hiện đang tại ngoại tại **Thôn B**, thị trấn Y, huyện B, **tỉnh** Hà Giang. *Có mặt tại phiên tòa.*

- *Người bị hại:* Chị Bùi Thị L, sinh năm 1972; trú tại: Tổ 07, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Người có QLNVLQ:*

1. Anh Nguyễn Văn I, sinh năm: 1979; trú tại: Tổ 11, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

2. Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1976; trú tại: Tổ 11, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 11/4/2019, Nguyễn Văn H sinh năm 1970; và Nguyễn Văn K sinh năm 1999 cùng trú tại **Thôn B**, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang, ngồi tại nhà ông Nguyễn Văn N (*Sinh năm: 1944; HKTT: Tổ 11, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang – Bố đẻ của H*). H rủ K đi trộm cắp tài sản, K đồng ý. Đến khoảng hơn 2 giờ ngày 12/4/2019, H và K cùng đi xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu sơn vàng đen, biển kiểm soát 23h1-054.25 (*là xe mượn của Nguyễn Văn I sinh năm 1979 trú tại tổ 11, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang - là em trai của H*), do H điều khiển, Khi đến trục đường S thuộc địa bàn tổ 07, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, H đi qua trước cửa số nhà 35, nơi sắp nhiều tấm cốt pha bằng kim loại của bà Bùi Thị L (*Sinh năm 1972, trú tại tổ 07, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang*), H đi qua một đoạn, quay xe dừng lại cách trước cửa số nhà 35 khoảng hơn 7 mét, ngồi trên yên xe, K xuống xe quan sát không thấy có người qua lại, tiến đến đóng cốt pha, dùng 2 tay bê lần lượt 4 tấm cốt pha, trong đó có 3 tấm kích thước 1,7 x 0,30 mét, và một tấm kích thước 1,7 x 0,21 mét đặt lên yên xe phía sau H thì bị phát hiện và bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật.

Quá trình điều tra xác định ngoài 4 tấm cốt pha trộm cắp ngày 12/4/2019 H và K còn **liên** tiếp 7 lần, từ ngày 05/4/2019 đến ngày 11/4/2019 trộm cắp được 53 tấm cốt pha các loại của bà L để trước cửa số nhà 35, tổ 07, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang cụ thể:

Lần 1: khoảng 2 giờ ngày 5/4/2019 H và K trộm cắp được 07 tấm cốt pha kích thước 02 x ,30 mét cất giấu tại bãi đất trống thuộc thôn cầu mè, xã Phương thiện, thành phố H, đến khoảng hơn 8 giờ cùng ngày bán cho người mua phế liệu (Chưa xác định được địa chỉ, tên tuổi) được 500.000đ(*Năm trăm nghìn đồng*), số tiền này H và K sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Lần 2 khoảng 2 giờ ngày 6/4/2019 H và K trộm cắp được 07 tấm cốt pha,

trong đó hai tấm kích thước 02 x 0,30 mét, 05 tấm kích thước 1,7 x 0,30 mét, cất dấu tại bãi đất trống hôm trước khoảng hơn 6 giờ cùng ngày bán cho người mua phé liệu(*Chưa xác định được địa chỉ tên tuổi*) được 400.000đ(*Bốn trăm nghìn đồng*). số tiền này H, K sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Lần 3 khoảng hơn 2 giờ ngày 7/4/2019 H và K trộm cắp được 08 tấm cốt pha, kích thước khoảng 02 x 0,30 mét cất dấu tại bãi đất trống hôm trước, khoảng hơn 10 giờ cùng ngày bán cho người thu mua sắt vụn được 550.000đ(*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*) số tiền này H và K sử dụng chi tiêu cá nhân.

Lần 4 khoảng hơn 2 giờ ngày 08/4/2019 H và K trộm cắp được 08 tấm cốt pha, kích thước khoảng 02 x 030 mét cất dấu tại bãi đất trống khoảng 8 giờ cùng ngày bán cho người mua phé liệu được 550.000đ(*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*), số tiền H và K chi tiêu cá nhân hết.

Lần 5 khoảng hơn 2 giờ ngày 09/4/2019 H và K trộm cắp được 05 tấm cốt pha, trong đó 4 tấm kích thước 02 x 030 mét, 01 tấm kích thước 1,7 x 0,30 mét cất dấu tại bãi đất trống, khoảng hơn 8 giờ cùng ngày bán cho người mua phé liệu được 280.000đ(*Hai trăm tám mươi nghìn đồng*), số tiền này H và K chi tiêu cá nhân hết.

Lần 6 Khoảng hơn 2 giờ ngày 10/4/2019 H và K trộm cắp được 09 tấm cốt pha, trong đó có 01 tấm kích thước 1,7 x 0,30 mét, 08 tấm kích thước 1,7 x 0,30 mét, **cất** dấu tại bãi đất trống, khoảng hơn 8 giờ cùng ngày bán cho người mua **phé** liệu được 500.000đ(*Năm trăm nghìn đồng chẵn*), số tiền này H và K chi tiêu cá nhân.

Lần 7 Khoảng hơn 02 giờ ngày 11/4/2019 H và K trộm cắp được 9 tấm cốt pha kích thước 1,7 x 0.30 mét, cất dấu tại bãi đất trống, khoảng hơn 8 giờ bán cho người mua phé liệu được 500.000đ(*Năm trăm nghìn đồng*), số tiền này H K chi tiêu cá nhân hết.

Đến khi bị bắt H và K 8 lần trộm cắp được tổng số 57 tấm cốt pha trong đó có 30 tấm kích thước 02 x 0,30 mét và 27 tấm 1,7 x 0,30 mét của bà Bùi **Thị** L, bán được số tiền 3.280.000đ(*Ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản H và K chiếm đoạt từ ngày 05/4/2019 đến ngày 12/4/2019 của chị Bùi Thị L gồm:

- 30 tấm cốt pha bằng kim loại, kích thước 02 x 0,30 mét ;
- 27 tấm cốt pha bằng kim loại, kích thước 1,7 x 0,30 mét

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2019 của **Hội** đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: Tổng giá trị 57 tấm cốt pha **là**: 8.730.000đ(*Tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*).

** Vật chứng vụ án:*

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã thu giữ và trả lại cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quyết định xử lý vật chứng số 16 ngày 27/9/2019 của cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố.

- Bà Bùi Thị L đã nhận lại 03 tấm cốt pha kích thước 1,7 x 0,30 mét và 01 tấm cốt pha kích thước 1,7 x 0,21 mét, sau khi nhận lại tài sản bà L không có yêu cầu đề nghị gì.

- Ông Nguyễn Văn I 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu sơn vàng đen, biển kiểm soát 23B1 - 054.25, sau khi nhận lại tài sản ông I không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

* Về phần dân sự:

Trong quá trình điều tra Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn K đã tự nguyện bồi **hoàn** cho bà Bùi Thị L số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn), sau khi nhận tiền bà L không có yêu cầu đề nghị về phần dân sự.

Bản Cáo trạng số: 23/CT/VKSTPHG ngày 14/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra. Bị cáo H, K thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn đúng với hành vi mà hai bị cáo đã thực hiện.

Bị hại Bùi Thị L không yêu cầu đề nghị gì về dân sự, và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H và bị cáo K, được trở về gia đình cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về Hình phạt: 1) Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo H từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù, giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo H vào trại chấp hành án.

2) Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo K từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu giải quyết.

- Án phí: Các Bị cáo H và K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo H, bị cáo K thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Khoảng 22 giờ ngày 11/4/2019 tại cửa sổ nhà 35, tổ 07, phường N, thành phố H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn K đã thực hiện hành vi trộm cắp được tổng số 57 tấm cốt pha trong đó có 30 tấm kích thước 02 x 0,30 mét và 27 tấm 1,7 x 0,30 mét của bà Bùi Thị L có giá trị 8.730.000đ (*Tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) được quy định tại.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm”

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm tù. Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự, mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo H và K đã lợi dụng sự chủ quan, sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có trị giá là 8.730.000đ (*Tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*), hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo đã gây hoang mang lo lắng và bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo H và K nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Các bị cáo muốn có tiền tiêu sài, bị cáo H và K đã cố ý phạm tội.

Xét về nhân thân của hai bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H về nhân thân năm 1995 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và tội trốn khỏi nơi giam giữ, năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 9 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo H nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, do mải chơi, lười lao động, muốn có tiền tiêu sài nên bị cáo đã phạm tội. Trong vụ án này Nguyễn Văn H giữ vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi tội phạm, quá trình thực hiện hành vi bị cáo H luôn giữ vai trò chính, Là người bàn bạc, rủ rê, xúi dục, kích động bị cáo K cùng thực hiện hành vi phạm tội.

Với bị cáo Nguyễn Văn K có nhân thân tốt, nhận thức được hành vi trộm

cấp tài sản của mình là vi phạm pháp luật, do hoàn cảnh kinh tế gia đình, bản thân lại không nghề nghiệp, không có thu nhập được H rủ rê lôi kéo, Nguyễn Văn K với vai trò là người giúp sức đã tạo điều kiện cho H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, và cùng tiêu thụ tài sản do trộm cắp.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy Nguyễn Văn H giữ vai trò chủ mưu là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp; Bị cáo Nguyễn Văn K đồng phạm với vai trò giúp sức. khi quyết định hình phạt HĐXX cũng phải cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra mới có tác dụng giáo dục và cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H và K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo H về nhân thân đã hai lần bị xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản, và một tội về trốn khỏi nơi giam giữ đã được xóa án tích. Bị cáo K phạm tội lần đầu do được H rủ rê lôi kéo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H và bị cáo K phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 15.000.000đ(Mười lăm triệu đồng), cho bị hại Bùi Thị L và khắc phục thiệt hại về tài sản 57 tấm cốt pha bằng kim loại do các bị cáo gây ra. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H và bị cáo K có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt và bị hại Bùi Thị L xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Từ những tình tiết nêu trên HĐXX xét thấy cần cho các bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 BLHS là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại đã nhận tiền bồi thường tài sản và không yêu cầu giải quyết về bồi thường thiệt hại. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo phải chịu mỗi bị cáo là 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106; Điều 136; Điều 331 BLTTHS; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 13 (mười ba) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Văn H vào trại chấp hành án.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106; Điều 136; Điều 331 BLTTHS; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 07 (bảy) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Văn K vào trại chấp hành án.

* Trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

* Về án phí: Buộc các bị cáo: Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người p/ thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có QLNVLQ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP H;
- Công an TPH;
- Thi hành án HSTP H;
- THADS TPH;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sùng Thị Mai

